

LỊCH HỌC THỰC HÀNH

(TUẦN: 35 - Từ ngày 16 tháng 04 đến ngày 22 tháng 4 năm 2018)

ĐƠN VỊ: TT Cơ khí

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học																Giáo viên	Ghi chú
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		CN					
								16/4/2018		17/4/2018		18/4/2018		19/4/2018		20/4/2018		21/4/2018		22/4/2018					
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng				
1	ĐH	K10	102.16	102016	1		TH.CG2									1	T2	1	T2				Trần Trung Hiếu		
2	ĐH	K10	102.16	102016	2		TH.CG2									1	T3	1	T3				Trần Ngọc Tân		
3	ĐH	K10	102.2	102002	1		TH.CG2	2	T2	2	T2												Vũ Văn Khiêm		
4	ĐH	K10	102.2	102002	2		TH.CG2	2	T1	2	T1												Trần Trung Hiếu		
5	ĐH	K10	102.7	102007	1		TH.CG2					2	BX	2	BX								Đỗ Hồng Việt		
6	ĐH	K10	102.7	102007	2		TH.CG2	3	P2					2	P2								Hoàng Văn Nam		
7	ĐH	K10	102.15	102015	1		TH.CG2									2	P2	2	P2				Hoàng Văn Nam		
8	ĐH	K10	102.15	102015	2		TH.CG2									2	BX	2	BX				Đỗ Hồng Việt		
9	ĐH	K10	102.3	102003	1		TH.CG2	2	P1	2	P1												Trần Ngọc Hiền		
10	ĐH	K10	102.3	102003	2		TH.CG2	2	BX	2	BX												Đỗ Hồng Việt		
11	ĐH	K10	102.12	102012	1		TH.CG2									1	P2	1	P2				Hoàng Văn Nam		
12	ĐH	K10	102.12	102012	2		TH.CG2									1	BX	1	BX				Đỗ Hồng Việt		
13	ĐH	K10	102.1	102001	1		TH.CG2	1	P1	1	P1												Trần Ngọc Hiền		
14	ĐH	K10	102.1	102001	2		TH.CG2	1	P2	1	P2												Hoàng Văn Nam		
15	ĐH	K10	102.8	102008	1		TH.CG2					3	BX	3	BX								Đỗ Hồng Việt		
16	ĐH	K10	102.8	102008	2		TH.CG2					3	T1	3	T1								Trần Ngọc Hiền		
17	ĐH	K10	102.4	102004	1		TH.CG2	1	T1	1	T1												Trần Trung Hiếu		
18	ĐH	K10	102.4	102004	2		TH.CG2	1	T2	1	T2												Vũ Văn Khiêm		
19	ĐH	K10	102.13	102013	1		TH.CG2									2	T2	2	T2				Vũ Văn Khiêm		
20	ĐH	K10	102.13	102013	2		TH.CG2									2	T1	2	T1				Trần Trung Hiếu		
21	ĐH	K10	102.11	102011	1		TH.CG2					3	T3	3	T3								Trần Ngọc Tân		
22	ĐH	K10	102.11	102011	2		TH.CG2					3	T1	3	T1								Trần Trung Hiếu		
23	ĐH	K10	102.14	102014	1		TH.CG2									3	T3	3	T3				Trần Ngọc Tân		
24	ĐH	K10	102.14	102014	2		TH.CG2									3	T2	3	T2				Vũ Văn Khiêm		

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học												Giáo viên	Ghi chú			
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7				CN		
								16/4/2018		17/4/2018		18/4/2018		19/4/2018		20/4/2018		21/4/2018				22/4/2018		
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng			Ca	Phòng	
25	ĐH	K10	102.9	102009	1		TH.CG2					2	T2	2	T2							Vũ Văn Khiêm		
26	ĐH	K10	102.9	102009	2		TH.CG2					2	T1	2	T1								Trần Trung Hiếu	
27	ĐH	K10	102.10	102010	1		TH.CG2					1	P1	1	P1								Trần Ngọc Hiên	
28	ĐH	K10	102.10	102010	2		TH.CG2					1	BX	1	BX								Đỗ Hồng Việt	
29	ĐH	K10	105.3	105003	1		TH. CNC			1	cnc												Lê Quang Lâm	
30	ĐH	K10	105.3	105003	2		TH. CNC			1	cnc												Cao thể anh	
31	ĐH	K10	105.4	105004	1		TH. CNC			1	cnc												Đặng Xuân Thao	X-CD
32	ĐH	K10	105.4	105004	2		TH. CNC			3	cnc												Đặng Xuân Thao	X-CD
33	ĐH	K10	105.2	105002	1		TH. CNC									1	cnc						Lê Quang Lâm	
34	ĐH	K10	105.2	105002	2		TH. CNC									1	cnc						Cao thể anh	
35	ĐH	K10	105.5	105005	1		TH. CNC									2	cnc						Lê Quang Lâm	
36	ĐH	K10	105.5	105005	2		TH. CNC									2	cnc						Cao thể anh	
37	ĐH	K10	105.12	105012	1		TH. CNC											3	cnc				Lê Quang Lâm	
38	ĐH	K10	105.12	105012	2		TH. CNC											3	cnc				Cao thể anh	
39	ĐH	K10	105.6	105006	1		TH. CNC							2	cnc								Lê Quang Lâm	
40	ĐH	K10	105.6	105006	2		TH. CNC							2	cnc								Cao thể anh	
41	ĐH	K10	105.7	105007	1		TH. CNC							3	cnc								Lê Quang Lâm	
42	ĐH	K10	105.7	105007	2		TH. CNC							3	cnc								Cao thể anh	
43	ĐH	K10	105.10	105010	1		TH. CNC							1	cnc								Đặng Xuân Thao	X-CD
44	ĐH	K10	105.10	105010	2		TH. CNC							3	cnc								Đặng Xuân Thao	X-CD
45	ĐH	K10	105.1	105001	1		TH. CNC			2	cnc												Lê Quang Lâm	
46	ĐH	K10	105.1	105001	2		TH. CNC			2	cnc												Cao thể anh	
47	CĐ	K19	CK3		1		TH. CG	3	T2	3	T2	1	T2	1	T2	1	T2	1	T2				Vũ Văn Khiêm	
48	CĐ	K19	CK3		2		TH. CG	1	T3	1	T3	2	T3	2	T3	2	T3	2	T3				Trần Ngọc Tân	
49	CĐ	K19	CK3		3		TH. CG	1	T4	1	T4	1	T4	1	T4	1	T4	2	T4				Lê Đăng Hà	
50	CĐ	K19	CK4		1		TH. CG	1	Mài	1	Mài	1	Mài	1	Mài	1	Mài	1	Mài				Hoàng Xuân Thịnh	
51	CĐ	K19	CK4		2		TH. CG	2	Mài	2	Mài	2	Mài	2	Mài	2	Mài	2	Mài				Hoàng Xuân Thịnh	
52	CĐ	K19	CK4		3		TH. CG	3	Mài	3	Mài	3	Mài	3	Mài	3	Mài	3	Mài				Lê Đăng Hà	

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Mã lớp	Nhóm	SL HSSV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - phòng học												Giáo viên	Ghi chú		
								Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7				CN	
								16/4/2018		17/4/2018		18/4/2018		19/4/2018		20/4/2018		21/4/2018				22/4/2018	
								Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng			Ca	Phòng
53	CĐN	K9	CGKL1		1		X-CD	1	xung			1	xung	2	xung	1	xung	1	xung			Đặng Xuân Thao	
54	CĐN	K9	CGKL1		2		X-CD	2	xung	2	xung	2	xung			2	xung	2	xung			Đặng Xuân Thao	
55	CĐN	K9	CGKL1		3		X-CD											3	xung	1-2	xung	Đặng Xuân Thao	
56	CĐN	K10	CGKL1		1		T- P CNC	1	cnc	3	cnc	1	cnc	1	cnc	3	cnc	2	cnc	1	cnc	Cao thể anh	
57	CĐN	K10	CGKL1		2		T- P CNC	1	cnc	3	cnc	2	cnc	1	cnc	3	cnc	2	cnc			Lê Quang Lâm	
58	LET CO	K18	CẮT GỌT		1		TH.CG	2	T4	2	T4	2	T4	2	T4	2	T4					Lê Đăng Hà	Tiện (1/7)
59	ĐH	10	CĐT2		1	30	TH nguội									3	SC1					Đặng X. Thao	Còn 1 ca
60	CĐ	18	Cơ điện 1		1	20	THSC	2	SC2	2	SC2	3	SC2									Bùi Sơn Hải	Ca 18,19,20
61	CĐ	18	Cơ điện 4		1	20	THSC	2	SC1	3	SC1											Vũ Đình Cứu	Ca 19,20
62	CĐ	18	Cơ điện 7		1	20	THSC	3	SC2	3	SC2			3	SC2							Bùi Sơn Hải	Ca 18,19,20
63	CĐ	18	Cơ điện 8		1	20	THSC	3	SC1			3	SC1	3	SC1							Vũ Đình Cứu	16,17,18